

Bản án số: 33/2024/HS-ST

Ngày: 29-01-2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Quang Nhuận.

Bà Đỗ Thị Luyến

- **Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Kim Phượng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:** bà Phạm Thị Hoàn, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2020/TLST-HS ngày 19 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên số: 34/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

**Cà Văn N**, sinh ngày 06/02/1990 tại huyện T, tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: bản N 1, xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; bị cáo là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị khai trừ ra khỏi Đảng theo Quyết định số 24-QĐ/UBKTTh.U ngày 22/5/2017; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Cà Văn T, sinh năm 1964 và bà Lò Thị C, sinh năm 1967; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính; bị bắt tạm giữ từ ngày 16/10/2023, tạm giam từ ngày 25/10/2023 cho đến nay, có mặt.

- **Bị hại:** bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958; địa chỉ: số nhà 71, tổ 32 (nay là tổ 10), phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2013 đến năm 2015, bị cáo Cà Văn N học lớp Trung cấp Cảnh sát nhân dân mở tại Trung tâm huấn luyện Công an tỉnh Điện Biên, trong thời gian học bị cáo quen với Nguyễn Văn P. Sau khi tốt nghiệp, bị cáo N được phân công về công tác tại Công an phường N, thành phố Đ còn Nguyễn Văn P được phân

công về Đội tham mưu- tổng hợp Công an thành phố Đ. Khoảng cuối tháng 7/2016 qua trao đổi bị cáo N biết được Pháp đặt làm giấy Chứng minh Công an nhân dân giả trên mạng xã hội với giá 2.500.000 đồng/ 01 cái. Do đang cần tiền để tiêu xài cho mục đích cá nhân, nên bị cáo N đã nảy sinh ý định làm giấy Chứng minh Công an nhân dân giả mang đi tạo lòng tin để vay tiền. Bị cáo N đưa tiền kèm theo thông tin cá nhân và ảnh bị cáo mặc quân phục Cảnh sát cỡ 2x3cm cho P làm hộ. Khoảng 03 ngày sau, P đưa cho bị cáo N 01 giấy Chứng minh Công an nhân dân giả mang tên Cà Văn N và các thông tin cá nhân do bị cáo N đã cung cấp. Ngày 01/8/2016, bị cáo N một mình đi đến nhà bà Nguyễn Thị H, trú tại tổ 32 (nay là tổ 10), phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên đặt vấn đề vay 50.000.000 đồng và để lại một giấy Chứng minh Công an nhân dân giả mang tên Cà Văn N. Bà H nhất trí, nhưng do không đủ 50.000.000 đồng tiền mặt nên bà H thống nhất đưa trước cho bị cáo N 40.000.000 đồng, còn 10.000.000 đồng khi nào có bà H sẽ gọi đến lấy. Bị cáo N tự tay điền các thông tin vào “*Hợp đồng cho cá nhân vay tiền*” theo mẫu có sẵn mà bà H đưa cho, nội dung của hợp đồng ghi bị cáo N vay của bà H 40.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 01/8/2016 đến ngày 01/9/2016, không ghi tiền lãi suất rồi hai bên cùng ký tên, sau đó bà H giao tiền cho bị cáo.

Ngày 03/8/2016, sau khi điện thoại của bà H, bị cáo N đến nhà bà H tiếp tục lập một “*Hợp đồng cho cá nhân vay tiền*” với số tiền là 10.000.000 đồng và nhận từ bà H 10.000.000 đồng tiền mặt. Tổng số tiền bị cáo N vay của bà H là 50.000.000 đồng, sau khi vay được số tiền trên bị cáo N đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Đến giữa tháng 8/2016, bị cáo N xin nghỉ phép rồi bỏ trốn vào thành phố Hồ Chí Minh, đi làm thuê ở nhiều tỉnh thành. Đến hẹn không thấy Ngân đến trả tiền gốc và lãi, bà H tìm cách liên lạc với bị cáo N nhưng không liên lạc được, nghi ngờ giấy Chứng minh Công an nhân dân của N là giả, bà H đã làm đơn tố cáo gửi Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Điện Biên yêu cầu bị cáo Cà Văn N trả lại 50.000.000 đồng và xử lý theo quy định pháp luật. Bị cáo Cà Văn N, bỏ trốn khỏi địa phương trước khi bị khởi tố bị can nên không biết đã bị khởi tố, ngày 20/5/2017 Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Điện Biên ra Quyết định truy nã bị can số 02 đối với bị cáo Cà Văn N.

Ngày 14/10/2023 do bị mất ví, giấy tờ, tiền nên bị cáo N đã đến quán Internet trên địa bàn phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh nhắn tin qua ứng dụng Messenger cho em gái là Cà Thị Th xin số điện thoại. Sau đó, bị cáo N mượn điện thoại của một người đàn ông không quen biết gọi vào số của Th để xin tiền, một lúc sau nhận được điện thoại của Cà Thị Ph (là chị gái Ngân) gọi đến, khi nói chuyện bị cáo N mới biết đang bị truy nã về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Sau khi được gia đình động viên, ngày 16/10/2023, bị cáo N ra Công an phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh để đầu thú.

Cáo trạng số 01/CT-VKSĐB-P1 ngày 18/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Cà Văn N về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Cà Văn N, áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo Cà Văn N phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, xử phạt bị cáo Cà Văn N từ 02 năm - 03 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo. Trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589; Điều 351, Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Cà Văn N phải bồi thường số tiền 40.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị H. Về án phí: áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bà Nguyễn Thị H trình bày: khoảng cuối tháng 7/2016 Cà Văn N gọi điện thoại cho bà H giới thiệu hiện đang công tác tại Công an phường N, thành phố Đmuốn vay tiền để giải quyết công việc riêng, N đưa ra một giấy chứng minh Công an nhân dân mang tên Cà Văn N. Ngày 01/8/2016, Ngân một mình đi đến nhà bà H, đặt vấn đề vay 50.000.000 đồng, nhưng bà H chỉ có số tiền 40.000.000 đồng, nên bà H nhất trí cho N vay 40.000.000 đồng trước, còn 10.000.000 đồng khi nào có bà H sẽ gọi đến lấy. Khi vay tiền bà H và N thỏa thuận, N vay 50.000.000 đồng trong thời hạn 01 tháng với lãi suất 4.500.000 đồng và N thế chấp lại 01 giấy chứng minh Công an nhân dân mang tên Cà Văn N. N tự tay điền các thông tin vào “*Hợp đồng cho cá nhân vay tiền*” theo mẫu có sẵn mà bà H đưa cho, nội dung của hợp đồng ghi bị cáo N vay của bà H 40.000.000 đồng. Ngày 03/8/2016, N đến nhà bà H tiếp tục lập một “*Hợp đồng cho cá nhân vay tiền*” với số tiền là 10.000.000 đồng và nhận từ bà H 10.000.000 đồng tiền mặt. Đến hạn không thấy N đến trả tiền, bà H đã nhiều lần liên lạc với N nhưng không được; qua tìm hiểu bà H biết Ngân đã bỏ trốn khỏi địa phương và bỏ trốn khỏi đơn vị công tác. Sau đó bà H biết được giấy Chứng minh Công an nhân dân của N là giả, nên bà H đã làm đơn tố cáo gửi Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Điện Biên. Bà H yêu cầu bị cáo Cà Văn N trả lại 50.000.000 đồng và bị xử lý theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Trong lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### **[1] Về tố tụng:**

Địa điểm xảy ra tội phạm là thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, do hành vi phạm tội xảy ra trên một số địa bàn huyện, thành phố thuộc tỉnh, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên tiến hành điều tra theo khoản 4, điểm b khoản 5 Điều 163 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 268 của Bộ luật Tố tụng hình sự thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

## **[2] Về hành vi phạm tội:**

Qua tranh tụng công khai tại phiên tòa đã làm rõ: nhằm chiếm đoạt tiền để sử dụng cho mục đích cá nhân, bị cáo Cà Văn N đưa ra các thông tin giả, sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức chiếm đoạt tiền, tài sản của bà H, cụ thể:

Ngày 01/8/2016, bị cáo N đến nhà bà Nguyễn Thị H, đặt vấn đề vay 50.000.000 đồng và để lại một giấy Chứng minh Công an nhân dân giả mang tên Cà Văn N. Bị cáo N tự tay điền các thông tin vào “*Hợp đồng cho cá nhân vay tiền*”, nội dung của hợp đồng ghi bị cáo N vay của bà H 40.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 01/8/2016 đến ngày 01/9/2016, không ghi tiền lãi suất rồi hai bên cùng ký tên, sau đó bà H giao tiền cho bị cáo.

Ngày 03/8/2016, bị cáo N tiếp tục đến nhà bà H lập “*Hợp đồng cho cá nhân vay tiền*” với số tiền là 10.000.000 đồng và nhận từ bà H 10.000.000 đồng tiền mặt. Tổng số tiền bị cáo N vay của bà H là 50.000.000 đồng, sau khi vay được số tiền trên bị cáo N đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Đến giữa tháng 8/2016, bị cáo N xin nghỉ phép rồi bỏ trốn vào thành phố Hồ Chí Minh, đi làm thuê ở nhiều tỉnh thành. Ngày 20/02/2017 bị cáo bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Điện Biên khởi tố về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Quyết định truy nã số 02, ngày 20/5/2017; ngày 16/10/2023, bị cáo N ra Công an phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh để đầu thú.

Lời khai của bị cáo phù hợp với Đơn tố cáo (BL 01); Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu (BL 03-05); Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu (BL 06, 12 -13); Biên bản kiểm tra đồ vật, tài liệu bị tạm giữ (BL 57-63); Kết luận giám định (BL 09, 10); Biên bản ghi lời khai của bị hại bà Nguyễn Thị H (BL 16-19; 99-104); Biên bản nhận dạng (BL 20-22) và phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định bị cáo Cà Văn N đã dùng thủ đoạn gian dối thể hiện qua lời nói với các thông tin không đúng sự thật; dùng giấy tờ giả là Giấy chứng minh công an nhân dân giả làm cho bà Nguyễn Thị H tin đó là sự thật nên tự nguyện giao số tiền 50.000.000 đồng cho bị cáo Cà Văn N. Hành vi của bị cáo gây nguy hiểm lớn cho xã hội, đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 01/8/2017 nên áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo.

Cáo trạng số 01/CT-VKSĐB-P2 ngày 18/12/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo về tội danh, điểm, khoản, điều luật áp dụng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

## **[2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:**

Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi của mình bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo xâm hại quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ.

### **[3] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:**

Bị cáo Cà Văn N được gia đình tạo điều kiện học tập văn hóa đến lớp 12/12, từ tháng 3/2010 đến tháng 3/2013 tham gia nghĩa vụ Công an nhân dân tại Phòng cảnh sát bảo vệ Công an tỉnh Điện Biên. Tháng 3/2013 được chuyển chuyên nghiệp chính thức sỹ quan Công an nhân dân và được cử đi học lớp Trung cấp Cảnh sát mở tại Trung tâm huấn luyện nghiệp vụ Công an tỉnh Điện Biên đến tháng 4/2015 tốt nghiệp được phân công công tác tại Công an phường N, thành phố Đ. Đến tháng 8/2017 thì bỏ việc, sau đó bị cáo bị khởi tố và truy nã; ngày 16/10/2023 ra đầu thú tại Công an phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh; bị cáo là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị khai trừ ra khỏi Đảng theo Quyết định số 24-QĐ/UBKTTh.U ngày 22/5/2017 của Ủy ban kiểm tra Thành ủy Điện Biên Phủ; bị kỷ luật tước danh hiệu Công an nhân dân theo quyết định số 14366/QĐ-X11, ngày 30/11/2016 của Tổng cục chính trị Công an nhân dân – Bộ Công an. Bị cáo chưa có tiền sự; chưa có tiền án; quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại phiên tòa bị cáo đã tác động gia đình bồi thường được 10.000.000 đồng cho bị hại; bị cáo có ông nội tên Cà Văn P được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng Ba; bị cáo ra đầu thú; tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

### **[4] Về hình phạt chính:**

Từ các phân tích tại các đoạn [1], [2], [3], Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có 02 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 và 03 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 cần thiết phải xử phạt bị cáo mức hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên về hình phạt chính đối với bị cáo là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **[5] Về hình phạt bổ sung:**

Căn cứ vào biên bản xác minh tài sản và qua tranh tụng tại phiên tòa cho thấy, gia đình bị cáo không có tài sản gì giá trị; bị cáo không có thu nhập thường xuyên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 139 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **[6] Các vấn đề khác của vụ án:**

Theo lời khai của bị cáo N, Nguyễn Văn P là người đã làm hộ bị cáo giấy chứng minh Công an nhân dân giả, năm 2017 Pháp đã bị TAND tỉnh Điện Biên

kết án 18 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; ngày 30/11/2018 Pháp chấp hành xong hình phạt tù ra trại về địa phương sinh sống. Cơ quan CSĐT đã nhiều lần triệu tập nhưng P không có mặt tại địa phương, do đó, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

**[7] Trách nhiệm bồi thường dân sự:**

Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị H là 50.000.000 đồng, cần áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Cà Văn N phải bồi thường toàn bộ. Tại phiên tòa bị cáo nhờ gia đình bồi thường cho bà H được 10.000.000 đồng; số tiền còn lại 40.000.000 đồng buộc bị cáo phải bồi thường tiếp.

**[8] Về vật chứng:**

Đối với các vật chứng Giấy chứng minh công an nhân dân giả, đây là các vật chứng của vụ án nhưng cũng là tài liệu chứng cứ của vụ án cần được lưu theo hồ sơ vụ án.

**[9] Về án phí:**

Căn cứ Điều 135; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch là 40.000.000 đồng X 5% = 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*).

**[10] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.** Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

**1. Tuyên bố:**

Bị cáo Cà Văn N phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Cà Văn N 20 (*hai mươi*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/10/2023.

**2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự:** áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình

sự; các Điều 584, 585, 586, 589; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Cà Văn N phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị H số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*). Ghi nhận thỏa thuận bồi thường được số tiền 10.000.000 đồng giữa bị cáo, gia đình bị cáo và bà Nguyễn Thị H. Bị cáo còn phải bồi thường 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Cà Văn N chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

**3. Về án phí:** áp dụng Điều 135; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Cà Văn N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*).

**4. Về quyền kháng cáo:** áp dụng Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Cà Văn N, bị hại bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

*Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Vụ giám đốc 1 TAND tối cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Điện Biên
- Công an tỉnh Điện Biên (PC02);
- Phòng HSNV Công an tỉnh;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo; Bị hại;
- Cục THA dân sự tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Hòa**